

TỜ TRÌNH
Về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án
Đường tỉnh 918 (giai đoạn 2)

Kính gửi: Hội đồng nhân dân thành phố.

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 15 tháng 10 năm 2021 của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ về việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Xây dựng và nâng cấp mở rộng Đường tỉnh 917 và dự án Đường tỉnh 918 (giai đoạn 2);

Ủy ban nhân dân thành phố kính trình Hội đồng nhân dân thành phố xem xét, chấp thuận phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Đường tỉnh 918 (giai đoạn 2), với các nội dung chính như sau:

I. Thông tin chung về dự án đã được Hội đồng nhân dân thành phố phê duyệt chủ trương đầu tư tại Phụ lục II kèm theo Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 15 tháng 10 năm 2021:

1. Mục tiêu đầu tư:

a) Phục vụ nhu cầu vận chuyển, phát triển kinh tế - xã hội của quận Bình Thủy, huyện Phong Điền.

b) Hoàn thiện một phần cơ sở hạ tầng giao thông khu vực bằng việc kết nối thông suốt giữa Quốc lộ 91, Quốc lộ 91B, Đường tỉnh 923, đường Nguyễn Văn Cừ, Quốc lộ 61C, làm trợ lực vững chắc cho mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng của địa phương hướng đến mục tiêu xây dựng thành phố Cần Thơ trở thành thành phố hiện đại và văn minh, trở thành thành phố công nghiệp; đồng thời là đầu mối quan trọng về giao thông vận tải nội vùng và

liên vận quốc tế, góp phần phát triển các khu vực lân cận trong vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

2. Phạm vi, quy mô đầu tư:

a) Điểm đầu: Kết nối với đường Võ Văn Kiệt tại điểm đối diện đường Huỳnh Phan Hộ.

b) Điểm cuối: Kết nối vào điểm cuối dự án Đường tỉnh 918 giai đoạn 1, cách cầu Lộ Bức khoảng 160m.

c) Tổng chiều dài toàn tuyến khoảng 6,4Km, gồm 2 đoạn tuyến chính:

- Đoạn 1: Hướng tuyến theo hướng tuyến đoạn 2 Đường tỉnh 918 điều chỉnh theo Quyết định số 2548/QĐ-UBND ngày 07 tháng 10 năm 2021 của Ủy ban nhân dân thành phố. Điểm đầu kết nối với đường Võ Văn Kiệt tại nút giao với đường Huỳnh Phan Hộ, nối thẳng tuyến đến điểm cuối giao với Quốc lộ 91B, dài khoảng 2,15Km.

- Đoạn 2: Hướng tuyến theo hướng tuyến đoạn 3 và đoạn 4 Đường tỉnh 918 điều chỉnh theo Quyết định số 2548/QĐ-UBND ngày 07 tháng 10 năm 2021 của Ủy ban nhân dân thành phố. Điểm đầu tại vị trí cuối đoạn 1, nối thẳng tuyến đến điểm cuối kết nối vào Đường tỉnh 918 giai đoạn 1, cách cầu Lộ Bức 160m, dài khoảng 4,25Km.

d) Phần đường: đầu tư toàn tuyến theo quy mô đường cấp III đồng bằng, bồi thường theo phạm vi xây dựng phù hợp, bề rộng nền đường 12m:

- Mặt đường xe chạy: $2 \times 3,5\text{m} = 7,0\text{m}$.

- Lề gia cố: $2 \times 2,0\text{m} = 4,0\text{m}$.

- Lề không gia cố: $2 \times 0,5\text{m} = 1,0\text{m}$.

đ) Phần cầu: Trên đoạn tuyến xây dựng mới có 06 vị trí cầu vượt kênh, quy mô xây dựng dự kiến:

- Cầu bằng bê tông cốt thép (BTCT) và bê tông cốt thép dự ứng lực (BTCTDUL).

- Tải trọng thiết kế: HL-93, người đi bộ 3×10^{-3} Mpa.

- Kết cấu nhịp: Dầm kết cấu dầm giản đơn BTCT dự ứng lực căng trước.

- Tĩnh không: Theo thỏa thuận với địa phương.

- Kết cấu móng, trụ bằng BTCT đổ tại chỗ đặt trên nền móng cọc BTCT đúc sẵn hoặc cọc khoan nhồi (tại các vị trí đông dân cư).

e) Mặt cắt ngang phần cầu đoạn từ Võ Văn Kiệt đến Quốc lộ 91B: Bề rộng cầu 14m, trong đó:

- Làn xe cơ giới: $2 \times 3,5\text{m} = 7,0\text{m}$.

- Làn xe hỗn hợp: $2 \times 2,0\text{m} = 4,0\text{m}$.

- Lề bộ hành và gờ lan can: $2 \times 1,5\text{m} = 3,0\text{m}$

g) Mặt cắt ngang phần cầu ngoài đô thị: Bề rộng cầu là 12m, trong đó:

- Làn xe cơ giới: $2 \times 3,5\text{m} = 7,0\text{m}$.
- Làn xe hỗn hợp: $2 \times 1,5\text{m} = 3,0\text{m}$.
- Dải an toàn: $2 \times 0,5\text{m} = 1,0\text{m}$.
- Gờ lan can 2 bên: $2 \times 0,5\text{m} = 1,0\text{m}$.

h) Các công trình trên tuyến:

- Nút giao: Trên tuyến có một số điểm giao cắt lớn, đặc biệt là tại vị trí giao cắt với đường Võ Văn Kiệt và Quốc lộ 91B, kiến nghị trong giai đoạn trước mắt tại các vị trí giao cắt này bố trí các đảo dẫn hướng kết hợp với đèn tín hiệu đảm bảo giao thông, trong giai đoạn tiếp theo mật độ giao thông lớn sẽ xây dựng nút giao khác mức.

- Hệ thống thoát nước: Các vị trí vượt kênh rạch nhỏ bố trí các công thoát nước ngang phù hợp. Các vị trí đường dân sinh 02 bên cầu qua khu đông dân cư bố trí hệ thống thoát nước dọc. Các vị trí ngoài khu vực đông dân cư, bố trí thoát nước mặt tự nhiên. Khi triển khai chi tiết sẽ thực hiện trên cơ sở thỏa thuận với địa phương.

- Đường ngang dân sinh: Các đường ngang dân sinh được bố trí kết nối với tuyến. Các đoạn bố trí mới được thiết kế đảm bảo bề rộng mặt đường dân sinh 4m, nền đường 6m. Kết cấu đường dân sinh là đường bê tông xi măng.

- Hệ thống an toàn giao thông: Hoàn chỉnh hệ thống an toàn giao thông, vạch sơn, biển báo, đèn tín hiệu giao thông,... theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2019/BGTVT.

- Công trình phòng hộ, an toàn giao thông: Xây dựng hoàn chỉnh hệ thống hộ lan, biển báo hiệu, sơn vạch kẻ đường,... theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2019/BGTVT và đường thủy theo QCVN 39:2020/BGTVT.

3. Nhóm dự án: Nhóm B.

4. Tổng mức đầu tư dự án: 700.125.258.925 đồng (Bảy trăm tỷ, một trăm hai mươi lăm triệu, hai trăm năm mươi tám ngàn, chín trăm hai mươi lăm đồng).

5. Cơ cấu nguồn vốn: Ngân sách trung ương, ngân sách địa phương và huy động các nguồn vốn khác.

a) Ngân sách trung ương: 562,974 tỷ đồng.

b) Ngân sách địa phương và huy động các nguồn vốn khác: 137,151 tỷ đồng.

6. Địa điểm thực hiện dự án: Quận Bình Thủy, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ.

7. Thời gian thực hiện dự án: Mức bố trí vốn thực hiện dự án không quá 04 năm kể từ khi dự án được phê duyệt.

II. Tình hình triển khai thực hiện chủ trương đầu tư dự án Đường tỉnh 918 (giai đoạn 2) theo Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 15 tháng 10 năm 2021 của Hội đồng nhân dân thành phố và đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư:

1. Ngay sau khi dự án được phê duyệt chủ trương đầu tư tại Phụ lục II kèm theo Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 15 tháng 10 năm 2021 của Hội đồng nhân dân thành phố, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố (chủ đầu tư) đã triển khai ngay việc lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố đã phê duyệt dự án tại Quyết định số 3664/QĐ-UBND ngày 03 tháng 12 năm 2021.

2. Quá trình thực hiện chủ trương đầu tư và thực hiện dự án được Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố trình bày cụ thể tại Báo cáo số 1442/BC-BQLDA ngày 20 tháng 8 năm 2024. Một số nội dung cụ thể như sau:

a) Đến nay, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố đã hoàn thành lựa chọn nhà thầu và ký kết hợp đồng với 12/15 gói thầu, trong đó bao gồm gói thầu thi công số 11, gói thầu số 13 (Tur vắn giám sát thi công xây dựng) và gói thầu số 14 (Bảo hiểm xây dựng công trình). Còn lại gói thầu thi công số 10, số 12 chưa tiến hành lựa chọn nhà thầu.

b) Công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư:

- Tổng chi phí bồi thường theo Quyết định số 3664/QĐ-UBND ngày 03 tháng 12 năm 2021 nêu trên được phê duyệt là 223,183 tỷ đồng.

- Tổng số trường hợp bị ảnh hưởng: 286 trường hợp, trong đó (quận Bình Thủy: 150 trường hợp; huyện Phong Điền: 136 trường hợp).

- Dự án đi qua địa bàn quận Bình Thủy (gồm các gói thầu: số 10 và số 11) và huyện Phong Điền (gói thầu số 11).

- Phê duyệt: 241/286 trường hợp với giá trị là 222,49/295,364 tỷ đồng, còn lại 45 trường hợp chưa phê duyệt với số tiền 72,88 tỷ đồng (quận Bình Thủy: 103/150 trường hợp và 03 tổ chức, với giá trị: 119,032/187,700 tỷ đồng và huyện Phong Điền 133/136 trường hợp và 02 tổ chức, với giá trị: 103,455/107,664 tỷ đồng).

- Đã chi trả: 229/241 trường hợp (bao gồm 05 tổ chức) với giá trị là 205,416/220,98 tỷ đồng, trong đó: quận Bình Thủy là 94/106 trường hợp và 03 tổ chức với giá trị: 105,316/117,924 tỷ đồng và huyện Phong Điền 130/135 trường hợp và 02 tổ chức với giá trị: 100,1/103,053 tỷ đồng.

c) Công tác bàn giao mặt bằng dự án: Công tác bàn giao mặt bằng dự án: Đến nay, tổng chiều dài bàn giao khoảng: 2,81/6,27Km, đạt 44,9% (211/286 trường hợp). Chiều dài mặt bằng còn lại chưa bàn giao là: 3,511/6,27Km (75/286 trường hợp).

d) Công tác thi công xây dựng:

- Gói thầu thi công số 11: Thi công xây dựng từ Km2+640 đến Km6+280 (phần tuyến và các hạng mục trên tuyến; cầu và đường vào cầu: Ông Tường, Thầy Hùng, Ông Điều tổng chiều dài 3,63Km (trên địa bàn quận Phong Điền dài khoảng 3,25Km và địa bàn quận Bình Thủy dài khoảng 0,38Km).

+ Giá trị hợp đồng: 260,032 tỷ đồng.

+ Ngày khởi công: Ngày 27 tháng 02 năm 2023.

+ Lũy kế giá trị thực hiện: Khoảng 46,186/260,032 tỷ đồng, đạt 17,76% giá trị hợp đồng. Lũy kế giá trị thanh toán: 37,286/260,032 tỷ đồng, đạt 14,34% giá trị hợp đồng.

- Các gói thầu số 10, số 12: Chưa lựa chọn nhà thầu.

đ) Tình hình bố trí vốn, giải ngân của dự án:

- Lũy kế bố trí vốn cho dự án đến nay là 430,586 tỷ đồng, trong đó:

+ Năm 2021: Vốn chuẩn bị đầu tư bố trí 0,950 tỷ đồng.

+ Năm 2022: Vốn ngân sách trung ương bố trí 200 tỷ đồng.

+ Năm 2023: Vốn bố trí 89,636 tỷ đồng (trong đó ngân sách trung ương: 79,636 tỷ đồng).

+ Năm 2024: Vốn bố trí 140 tỷ đồng (trong đó ngân sách trung ương: 15 tỷ đồng).

- Lũy kế giải ngân từ đầu dự án: 336,155 tỷ đồng, đạt 78% lũy kế bố trí vốn.

3. Nguyên nhân tăng tổng mức đầu tư do dự án lập Báo cáo nghiên cứu khả thi và được cấp thẩm quyền phê duyệt dự án đầu tư từ tháng 10 đến tháng 12 năm 2021. Đơn giá bồi thường tại thời điểm này tham khảo, áp dụng theo Quyết định số 19/2019/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Ủy ban nhân dân thành phố quy định về đơn giá đất khi thu hồi đất, Quyết định số 10/2020/QĐ-UBND ngày 09 tháng 9 năm 2020 của Ủy ban nhân dân thành phố để tính đơn giá nhà, công trình, vật kiến trúc, cây trồng và vật nuôi. Mặc dù phương pháp tính toán đã có tính đến hệ số điều chỉnh, tuy nhiên trong quá trình kiểm đếm, đo đạc, thẩm định giá và áp giá bồi thường theo thực tế tăng cao hơn so với giai đoạn lập dự án. Bên cạnh đó, tại thời điểm lập Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án, tổng mức đầu tư được khái toán dựa trên Bộ đơn giá xây dựng công trình ban hành theo Quyết định số 1821/QĐ-UBND ngày 17 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân thành phố. Ngày 24 tháng 11 năm 2021, Ủy ban nhân dân thành phố đã ban hành Quyết định số 3513/QĐ-UBND về việc công bố Bộ đơn giá xây dựng công trình trên địa bàn thành phố Cần Thơ thay thế Quyết định số 1821/QĐ-UBND ngày 17 tháng 8 năm 2021. Đơn giá nhân công theo Quyết định số 3513/QĐ-UBND tăng 2%, đơn giá máy thi công tăng khoảng 8% so với Quyết định số 1821/QĐ-UBND nêu trên, cụ thể: Thay đổi đơn giá một số nhóm nhân công; Thay đổi đơn giá một số máy thi công; Giá của một số loại vật

liệu như cát, đá các loại, thép, xi măng các loại,... tăng cao hơn so với thời điểm lập chủ trương đầu tư, nguồn cung cấp vật liệu cát, đá các loại đặc biệt là cát đắp nền ngày càng khan hiếm, các tỉnh thành có mỏ vật liệu như An Giang, Đồng Tháp đang có chủ trương khai thác rất hạn chế, ưu tiên cho công trình trong tỉnh và ưu tiên phục vụ thi công cho các dự án, công trình trọng điểm của Quốc gia (các đường cao tốc, các tuyến Quốc lộ,...). Bên cạnh đó, tại thời điểm lập dự án năm 2021, chỉ số trượt giá xây dựng bình quân đối với công trình giao thông (đường bê tông nhựa, láng nhựa) tính toán theo các chỉ số giá (theo năm 2019, 2020, 2021) do Sở Xây dựng công bố hàng năm tại thời điểm lập dự án là 1,018 (tương đương 1,8%). Đến thời điểm hiện nay, chỉ số trượt giá xây dựng bình quân được tính toán cập nhật (theo năm 2021, 2022, 2023) là 1,067 (tương đương 6,7%). Căn cứ quy định tại điểm e khoản 2 Điều 43 Luật Đầu tư công năm 2019: "*Khi chỉ số giá trong thời gian thực hiện dự án lớn hơn chỉ số giá được sử dụng để tính dự phòng trượt giá trong tổng mức đầu tư dự án được cấp có thẩm quyền quyết định*". Từ đó, dẫn đến việc tăng chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư, chi phí xây dựng và các cơ cấu chi phí trong tổng mức đầu tư. Chính những nguyên nhân nêu trên thì việc điều chỉnh chủ trương đầu tư về tổng mức đầu tư, điều chỉnh cơ cấu nguồn vốn và thời gian thực hiện dự án là cần thiết.

III. Căn cứ pháp lý đề xuất điều chỉnh chủ trương đầu tư:

1. Căn cứ Điều 34 Luật Đầu tư công năm 2019 về điều chỉnh chủ trương đầu tư.

2. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 11 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP của Chính phủ: "*Trường hợp chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền quyết định đầu tư, đang trong quá trình thực hiện, việc điều chỉnh chủ trương đầu tư thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 43 Luật Đầu tư công*".

Từ các quy định của pháp luật về đầu tư công nêu trên, dự án Đường tỉnh 918 (giai đoạn 2) đã được Hội đồng nhân dân thành phố phê duyệt chủ trương đầu tư và Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt dự án. Tuy nhiên, dự án có sự điều chỉnh tăng tổng mức đầu tư so với tổng mức đầu tư được duyệt nên dự án thuộc trường hợp phải thực hiện điều chỉnh chủ trương đầu tư theo quy định.

IV. Nội dung xin điều chỉnh chủ trương đầu tư:

1. Nội dung giữ nguyên theo Phụ lục II kèm theo Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 15 tháng 10 năm 2021 của Hội đồng nhân dân thành phố, bao gồm: mục tiêu đầu tư, quy mô đầu tư, nhóm dự án, địa điểm thực hiện dự án.

2. Điều chỉnh tổng mức đầu tư:

Tổng mức đầu tư sau điều chỉnh: **877.891.505.706 đồng** (Tám trăm bảy mươi bảy tỷ, tám trăm chín mươi một triệu, năm trăm linh năm nghìn, bảy trăm linh sáu đồng).

* Bảng tổng hợp so sánh tổng mức đầu tư sau điều chỉnh:

STT	Khoản mục chi phí	Chi phí theo Nghị quyết số 56/NQ-HĐND (tỷ đồng)	Chi phí sau điều chỉnh (tỷ đồng)	Tăng (+), giảm (-)
1	Chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư	198,59	295,364	96,774
2	Chi phí xây dựng	421,228	509,982	88,754
3	Chi phí quản lý dự án	5,479	6,345	0,866
4	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	15,018	20,164	5,146
5	Chi phí khác	6,461	9,447	2,986
6	Chi phí dự phòng	53,348	36,590	-16,758
Tổng cộng		700,125	877,891	177,766

3. Điều chỉnh thời gian thực hiện dự án:

Thời gian thực hiện dự án sau điều chỉnh: Năm 2021 - 2025.

4. Điều chỉnh cơ cấu nguồn vốn:

- a) Ngân sách trung ương: 562,974 tỷ đồng.
- b) Ngân sách địa phương và huy động các nguồn vốn khác: 314,917 tỷ đồng.
- c) Giải trình về nguồn vốn tăng thêm:

- Tính đến ngày 23 tháng 10 năm 2024, tổng số vốn thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 đã được Thủ tướng Chính phủ và Hội đồng nhân dân thành phố giao là 44.300,561 tỷ đồng. Kết quả giao chi tiết cho các dự án đầy đủ thủ tục đầu tư theo quy định là 41.864,121 tỷ đồng, tổng số vốn ngân sách địa phương còn lại chưa phân bổ chi tiết là 2.436,440 tỷ đồng, gồm:

- + Vốn chuẩn bị đầu tư: 19,505 tỷ đồng;
- + Vốn thực hiện dự án: 2.416,935 tỷ đồng. Trong đó:
 - . Ngân sách địa phương: 416,935 tỷ đồng (1).
 - . Trái phiếu chính quyền địa phương: 2.000 tỷ đồng.

- Bên cạnh đó, sau khi rà soát kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và theo đề nghị của các chủ đầu tư có 29 dự án đề nghị điều chỉnh giảm kế hoạch vốn trung hạn với tổng số vốn là 542,938 tỷ đồng từ nguồn ngân sách địa phương (2) và đề xuất điều chuyển từ nguồn ngân sách địa phương sang sử dụng nguồn vốn trái phiếu chính quyền địa phương 04 dự án là 468,195 tỷ đồng (3).

Như vậy, tổng các nguồn vốn ngân sách địa phương có thể tiếp tục giao chi tiết vốn thực hiện dự án là 1.428,068 tỷ đồng (gồm (1)+(2)+(3)).

- Tình hình bố trí vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 và hằng năm của dự án Đường tỉnh 918 (giai đoạn 2):

+ Vốn chuẩn bị đầu tư: kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 là 950 triệu đồng, đã giao chi tiết hằng năm là 950 triệu đồng.

+ Vốn thực hiện dự án: kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 là 699,125 tỷ đồng (ngân sách trung ương: 562,974 tỷ đồng, ngân sách địa phương: 136,151 tỷ đồng), đã giao chi tiết hằng năm là 429,636 tỷ đồng (ngân sách trung ương: 294,636 tỷ đồng, ngân sách địa phương: 135 tỷ đồng).

Do đó, so với tổng mức đầu tư dự kiến điều chỉnh 877,891 tỷ đồng, nhu cầu vốn cần bổ sung của dự án Đường tỉnh 918 (giai đoạn 2) là 177,816 tỷ đồng được bố trí từ nguồn vốn thực hiện dự án thuộc ngân sách địa phương 1.428,068 tỷ đồng chưa phân bổ chi tiết trong kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025.

d) Về thời gian bố trí vốn thực hiện dự án: Số vốn 877,891 tỷ đồng, dự kiến thời gian bố trí thực hiện như sau:

- Vốn chuẩn bị đầu tư bố trí kế hoạch vốn năm 2021: 950 triệu đồng.

- Vốn thực hiện dự án dự kiến bố trí 876,941 tỷ đồng (ngân sách trung ương: 562,974 tỷ đồng, các nguồn ngân sách địa phương: 313,967 tỷ đồng) thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025.

Tờ trình này thay thế Tờ trình số 252/TTr-UBND ngày 01 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố.

Ủy ban nhân dân thành phố kính trình Hội đồng nhân dân thành phố xem xét, quyết nghị điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Đường tỉnh 918 (giai đoạn 2), làm cơ sở triển khai thực hiện theo quy định. / *ly*

(Đính kèm dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố, Báo cáo số 3264/BC-SKHĐT và Báo cáo số 3263/BC-SKHĐT ngày 24 tháng 10 năm 2024 của Sở Kế hoạch và Đầu tư cùng các tài liệu có liên quan)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đại biểu HĐND TP;
- CT, các PCT UBND TP;
- Các Ban của HĐND TP;
- Sở: KH&ĐT, XD, TC, GTVT;
- Ban QLDA ĐTXD TP;
- VP UBND TP (3D);
- Lưu: VT. BN *MS*



Nguyễn Thực Hiện



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Cần Thơ, ngày tháng năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Về việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án
Đường tỉnh 918 (giai đoạn 2)

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ KHÓA X, KỲ HỌP THỨ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ Quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 15 tháng 10 năm 2021 của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ về việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Xây dựng và nâng cấp mở rộng Đường tỉnh 917 và dự án Đường tỉnh 918 (giai đoạn 2);

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Đường tỉnh 918 (giai đoạn 2); Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách; ý kiến thảo luận của Đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Đường tỉnh 918 (giai đoạn 2), với nội dung cụ thể như sau:

1. Mục tiêu đầu tư:

a) Phục vụ nhu cầu vận chuyển, phát triển kinh tế - xã hội của quận Bình Thủy, huyện Phong Điền.

b) Hoàn thiện một phần cơ sở hạ tầng giao thông khu vực bằng việc kết nối thông suốt giữa Quốc lộ 91, Quốc lộ 91B, Đường tỉnh 923, đường Nguyễn Văn Cừ, Quốc lộ 61C, làm trợ lực vững chắc cho mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng của địa phương hướng đến mục tiêu xây dựng thành phố Cần Thơ trở thành thành phố hiện đại và văn minh, trở thành thành phố công nghiệp; đồng thời là đầu mối quan trọng về giao thông vận tải nội vùng và liên vận quốc tế, góp phần phát triển các khu vực lân cận trong vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

2. Phạm vi, quy mô đầu tư:

a) Điểm đầu: Kết nối với đường Võ Văn Kiệt tại điểm đối diện đường Huỳnh Phan Hộ.

b) Điểm cuối: Kết nối vào điểm cuối dự án Đường tỉnh 918 giai đoạn 1, cách cầu Lộ Bức khoảng 160m.

c) Tổng chiều dài toàn tuyến khoảng 6,4Km, gồm 2 đoạn tuyến chính:

- Đoạn 1: Hướng tuyến theo hướng tuyến đoạn 2 Đường tỉnh 918 điều chỉnh theo Quyết định số 2548/QĐ-UBND ngày 07 tháng 10 năm 2021 của Ủy ban nhân dân thành phố. Điểm đầu kết nối với đường Võ Văn Kiệt tại nút giao với đường Huỳnh Phan Hộ, nối thẳng tuyến đến điểm cuối giao với Quốc lộ 91B, dài khoảng 2,15Km.

- Đoạn 2: Hướng tuyến theo hướng tuyến đoạn 3 và đoạn 4 Đường tỉnh 918 điều chỉnh theo Quyết định số 2548/QĐ-UBND ngày 07 tháng 10 năm 2021 của Ủy ban nhân dân thành phố. Điểm đầu tại vị trí cuối đoạn 1, nối thẳng tuyến đến điểm cuối kết nối vào Đường tỉnh 918 giai đoạn 1, cách cầu Lộ Bức 160m, dài khoảng 4,25Km.

d) Phần đường: đầu tư toàn tuyến theo quy mô đường cấp III đồng bằng, bồi thường theo phạm vi xây dựng phù hợp, bề rộng nền đường 12m:

- Mặt đường xe chạy: $2 \times 3,5\text{m} = 7,0\text{m}$.

- Lề gia cố: $2 \times 2,0\text{m} = 4,0\text{m}$.

- Lề không gia cố: $2 \times 0,5\text{m} = 1,0\text{m}$.

đ) Phần cầu: Trên đoạn tuyến xây dựng mới có 06 vị trí cầu vượt kênh, quy mô xây dựng dự kiến:

- Cầu bằng bê tông cốt thép (BTCT) và bê tông cốt thép dự ứng lực (BTCTDUL).

- Tải trọng thiết kế: HL-93, người đi bộ 3×10^{-3} Mpa.

- Kết cấu nhịp: dùng kết cấu dầm giản đơn BTCT dự ứng lực căng trước.

- Tĩnh không: Theo thỏa thuận với địa phương.

- Kết cấu móng, trụ bằng BTCT đổ tại chỗ đặt trên nền móng cọc BTCT đúc sẵn hoặc cọc khoan nhồi (tại các vị trí đông dân cư).

e) Mặt cắt ngang phần cầu đoạn từ Võ Văn Kiệt đến Quốc lộ 91B: Bề rộng cầu 14m, trong đó:

- Làn xe cơ giới: $2 \times 3,5\text{m} = 7,0\text{m}$.
- Làn xe hỗn hợp: $2 \times 2,0\text{m} = 4,0\text{m}$.
- Lê bộ hành và gờ lan can: $2 \times 1,5\text{m} = 3,0\text{m}$

g) Mặt cắt ngang phần cầu ngoài đô thị: Bề rộng cầu là 12m, trong đó:

- Làn xe cơ giới: $2 \times 3,5\text{m} = 7,0\text{m}$.
- Làn xe hỗn hợp: $2 \times 1,5\text{m} = 3,0\text{m}$.
- Dải an toàn: $2 \times 0,5\text{m} = 1,0\text{m}$.
- Gờ lan can 2 bên: $2 \times 0,5\text{m} = 1,0\text{m}$.

h) Các công trình trên tuyến:

- Nút giao: trên tuyến có một số điểm giao cắt lớn, đặc biệt là tại vị trí giao cắt với đường Võ Văn Kiệt và Quốc lộ 91B, kiến nghị trong giai đoạn trước mắt tại các vị trí giao cắt này bố trí các đảo dẫn hướng kết hợp với đèn tín hiệu đảm bảo giao thông, trong giai đoạn tiếp theo mật độ giao thông lớn sẽ xây dựng nút giao khác mức.

- Hệ thống thoát nước: Các vị trí vượt kênh rạch nhỏ bố trí các công thoát nước ngang phù hợp. Các vị trí đường dân sinh 02 bên cầu qua khu đông dân cư bố trí hệ thống thoát nước dọc. Các vị trí ngoài khu vực đông dân cư, bố trí thoát nước mặt tự nhiên. Khi triển khai chi tiết sẽ thực hiện trên cơ sở thỏa thuận với địa phương.

- Đường ngang dân sinh: Các đường ngang dân sinh được bố trí kết nối với tuyến. Các đoạn bố trí mới được thiết kế đảm bảo bề rộng mặt đường dân sinh 4m, nền đường 6m. Kết cấu đường dân sinh là đường bê tông xi măng.

- Hệ thống an toàn giao thông: Hoàn chỉnh hệ thống an toàn giao thông, vạch sơn, biển báo, đèn tín hiệu giao thông,... theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2019/BGTVT.

- Công trình phòng hộ, an toàn giao thông: Xây dựng hoàn chỉnh hệ thống hộ lan, biển báo hiệu, sơn vạch kẻ đường,... theo Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2019/BGTVT và đường thủy theo QCVN 39:2020/BGTVT.

3. Nhóm dự án: Nhóm B.

4. Tổng mức đầu tư dự án: dự kiến khoảng **877.891.505.706 đồng** (Tám trăm bảy mươi bảy tỷ, tám trăm chín mươi một triệu, năm trăm linh năm nghìn, bảy trăm linh sáu đồng).

5. Cơ cấu nguồn vốn: Ngân sách trung ương, ngân sách địa phương và huy động các nguồn vốn khác.

a) Ngân sách trung ương: 562,974 tỷ đồng.

b) Ngân sách địa phương và huy động các nguồn vốn khác: 314,917 tỷ đồng.

6. Địa điểm thực hiện dự án: Quận Bình Thủy, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ.

7. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2021 - 2025.

8. Tiến độ và dự kiến bố trí vốn:

Số vốn 877,891 tỷ đồng dự kiến thời gian bố trí thực hiện như sau:

- Vốn chuẩn bị đầu tư bố trí kế hoạch vốn năm 2021: 950 triệu đồng.
- Vốn thực hiện dự án dự kiến bố trí 876,941 tỷ đồng (ngân sách trung ương: 562,974 tỷ đồng, các nguồn ngân sách địa phương: 313,967 tỷ đồng) thuộc kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025.

Điều 2. Trách nhiệm thi hành

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được pháp luật quy định.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, các Ban của Hội đồng nhân dân thành phố, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và Đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Phụ lục II kèm theo Nghị quyết số 56/NQ-HĐND ngày 15 tháng 10 năm 2021 của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ về việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Xây dựng và nâng cấp mở rộng Đường tỉnh 917 và dự án Đường tỉnh 918 (giai đoạn 2) hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ khóa X, kỳ họp thứ thông qua ngày tháng năm 2024./.

Nơi nhận:

- Ủy ban thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu - UBTWQH;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư; Bộ Tài chính;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Đoàn đại biểu Quốc hội TP. Cần Thơ;
- Thường trực Thành ủy;
- UBND thành phố;
- UBMTTQVN thành phố;
- Đại biểu HĐND thành phố;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể thành phố;
- Thường trực HĐND, UBND quận, huyện;
- Website Chính phủ;
- TT Công báo, Chi cục VT - LT thành phố;
- Báo Cần Thơ, Đài PT và TH TP. Cần Thơ;
- Lưu: VT,HD,250.

CHỦ TỊCH

